

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**

Phần mở đầu

Điều lệ Tổng công ty Thép Việt nam – CTCP được lập căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 29/11/2005.

Bản Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng công ty Thép Việt nam - CTCP ngày / /2011 thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với quy định của pháp luật và là cơ sở pháp lý cho quá trình tổ chức hoạt động của Tổng công ty.

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Việt Nam” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.
2. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 29/11/2005.
3. ”Tổng công ty” là Tổng công ty Thép Việt nam - CTCP
4. “Ngày thành lập” là ngày Tổng công ty Thép Việt nam - CTCP được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.
5. “Vốn điều lệ” là tổng số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của Tổng công ty .
6. “Cán bộ quản lý Tổng công ty” bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác trong Tổng công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
7. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức (bao gồm: vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị em ruột hoặc là tổ chức do họ là đại diện pháp nhân) có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với người quản lý Tổng công ty hoặc với người (nhóm người) có cổ phần chi phối trong Tổng công ty.

8. “Đơn vị thành viên” là đơn vị hạch toán độc lập do Tổng công ty đầu tư 100% vốn điều lệ và các đơn vị sự nghiệp (Viện, Trường).

9. “Đơn vị trực thuộc” là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty.

10. “Công ty con”: là các công ty tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Tổng công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của Công ty đó.

- Tổng công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) của Công ty đó.

- Tổng công ty có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty đó.

11. "Công ty liên kết": là các công ty có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty từ 50% vốn điều lệ trở xuống hoặc các Công ty tự nguyện tham gia phối hợp về thị trường, công nghệ, thương hiệu...với Tổng công ty; tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản hướng dẫn thi hành.

12. Trong Điều lệ này các tham chiếu tới một điều khoản văn bản pháp luật nào nghĩa là bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng..

Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ; các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty.

1. Tên gọi:

- Tên tiếng Việt đầy đủ : **TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**

- Tên viết tắt : **TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**

- Tên tiếng Anh : **VIETNAM STEEL CORPORATION**

- Tên viết tắt : **VNSTEEL**

2. Tổng công ty Thép Việt nam - CTCP được tổ chức và hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân, có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 91 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.

4. Trụ sở tại phía nam: 56 Thủ Khoa Huân, Q. 1, TP Hồ Chí Minh

5. Điện thoại: 04.38561767 Fax: 04.38561815

6. E-mail: vanphong@vnsteel.vn Website: www.vnsteel.vn

7. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

8. Tổng công ty có thể thành lập các chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh ở trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu

của Tổng công ty, phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

9. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi phải chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 76 - Điều lệ này.

Điều 3. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động:

Mục tiêu chính của Tổng công ty là trở thành doanh nghiệp dẫn đầu ngành thép Việt Nam, cung cấp các sản phẩm thép chất lượng cao với giá thành cạnh tranh, sử dụng tài sản có hiệu quả để phát triển sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động và phát triển Tổng công ty;

2. Ngành, nghề kinh doanh bao gồm:

- Khai thác quặng sắt, than mỡ và các nguyên liệu trợ dung cho công nghiệp sản xuất thép;

- Sản xuất thép và các kim loại khác, vật liệu chịu lửa, thiết bị phụ tùng luyện kim và các sản phẩm thép sau cán;

- Kinh doanh dịch vụ Logistic; xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: các sản phẩm thép và các nguyên nhiên liệu luyện, cán thép; phế liệu kim loại; cao su, xăng, dầu, mỡ, ga và các loại vật tư phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí và các ngành công nghiệp khác;

- Thiết kế, chế tạo, thi công xây lắp các công trình sản xuất thép, các công trình công nghiệp và dân dụng; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Tư vấn thiết kế các công trình công nghiệp luyện kim, cán thép và xây dựng dân dụng: Điều tra, khảo sát và lập các dự án đầu tư; thiết kế và lập dự toán công trình; lập hồ sơ mời thầu và đánh giá, thẩm tra các dự án thiết kế, dự toán và hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu; quản lý các dự án đầu tư, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.

- Kinh doanh oxy, nitơ, argon dạng khí, dạng lỏng sử dụng trong công nghiệp, y tế, quốc phòng. Lắp đặt, cung cấp thiết bị hệ thống dẫn khí oxy, nitơ, argon;

- Kinh doanh khai thác cảng và dịch vụ giao nhận, kho bãi, nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ở; đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh phát triển nhà và bất động sản;

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống, dịch vụ du lịch, lữ hành, quảng cáo;
- Đại lý mua - bán các mặt hàng trong phạm vi kinh doanh của Tổng công ty;
- Kinh doanh tài chính, ngân hàng, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác;
- Xuất khẩu lao động;
- Đầu tư, liên doanh liên kết kinh tế với các đối tác trong nước và nước ngoài; Đào tạo, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề cho ngành sản xuất thép và sản xuất vật liệu kim loại;
- Các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm.

Điều 4. Phạm vi hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, thực hiện các biện pháp thích hợp phù hợp với quy định của Pháp luật để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty được tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khác được Pháp luật cho phép và Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Chương II VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 5. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn Điều lệ của Tổng công ty tại thời điểm cổ phần hóa, bán cổ phần lần đầu ra công chúng là 6.780.000.000.000 đồng (sáu nghìn bảy trăm tám mươi tỷ đồng), được chia thành 678.000.000 (sáu trăm bảy mươi tám triệu) cổ phần. Mệnh giá là 10.000 (mười nghìn đồng) một cổ phần

Trong đó:

- Cổ phần vốn nhà nước: 6.368.440.340.000 đồng, chiếm 93,93% vốn điều lệ
- Cổ phần của tổ chức Công đoàn : 10.000.000.000 đồng, chiếm 0,147% vốn điều lệ
- Cổ phần của người lao động : 10.819.000.000 đồng, chiếm 0,16% vốn điều lệ
- Cổ phần của các nhà đầu tư khác : 390.740.660.000 đồng, chiếm 5,763% vốn điều lệ.

2. Tổng công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 6. Cổ phần

1. Cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm toàn bộ là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều lệ này.

2. Cổ phần phổ thông được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác.

Tổng công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần với yêu cầu nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua (tối thiểu là hai mươi ngày làm việc kể từ ngày thông báo) để cổ đông có thể đăng ký mua.

Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết, do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

3. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi phù hợp với các quy định của pháp luật, sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

4. Tổng công ty có thể mua lại cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

Cổ phần phổ thông do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

5. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần phổ thông đều được tự do chuyển nhượng trừ cổ phần quy định tại khoản 2 Điều này và pháp luật có quy định khác.

Người nhận chuyển nhượng cổ phần chỉ trở thành cổ đông của Tổng công ty khi đã đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông

Cổ phiếu của Tổng công ty khi đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 8. Cổ phần hạn chế chuyển nhượng

a) Cổ phần phổ thông của các thành viên Hội đồng quản trị muốn chuyển nhượng phải được biểu quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông (Trừ phần vốn nhà nước do thành viên này đại diện sở hữu).

b) Cổ phần do tổ chức Công đoàn nắm giữ không được chuyển nhượng.

c) Các trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy chế để thực hiện các quy định tại Điều này và Điều 6 nêu trên.

Điều 9. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.

a) Cổ đông được quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình khi:

- Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Tổng công ty;

- Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này.

b) Thủ tục yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần:

- Yêu cầu của cổ đông phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ: Tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại;

- Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết với nội dung quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

c) Nghĩa vụ của Tổng công ty khi nhận được yêu cầu mua lại cổ phần :

- Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu mua lại cổ phần quy định tại điều này, Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được xác định theo thoả thuận giữa cổ đông và Hội đồng quản trị;

- Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty.

Tổng công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

a) Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong các trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định ;

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 2 này;

c) Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ có trong Tổng công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Tổng công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở của Tổng công ty;
- Tổng số cổ phần mua lại;
- Giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại;
- Thời hạn và thủ tục thanh toán;
- Thời hạn và thủ tục để cổ đông đăng ký bán cổ phần cho Tổng công ty.

Cổ đông phải gửi đăng ký bán cổ phần của mình đến Tổng công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

d) Tổng công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 10. Thừa kế cổ phần

1. Tổng công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần và việc thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự.

2. Trong trường hợp cổ đông qua đời, Tổng công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của cổ đông đã chết:

a) Người thừa kế theo di chúc hoặc người thừa kế theo luật định;

b) Trường hợp có nhiều người cùng có quyền thừa kế cổ phần của cổ đông đã chết thì họ phải cử một đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có xác nhận của công chứng và tuân thủ những quy định trong Điều lệ này, Tổng công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế.

3. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông.

4. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cũng được thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, nhưng người nhận thừa kế cổ phần không đương nhiên thừa kế quyền là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và

phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Tổng công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị quyết định, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Cổ phiếu

1. Chứng chỉ do Tổng công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty gọi là cổ phiếu. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.

2. Cổ đông của Tổng công ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều lệ này.

3. Cổ phiếu của Tổng công ty phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, trụ sở Tổng công ty;
- b) Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- đ) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức (đối với cổ phiếu ghi danh)
- e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- g) Chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty;

h) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

4. Trường hợp chuyển nhượng một số cổ phần trong một cổ phiếu thì cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ. Cổ mới ghi nhận số cổ phần còn lại và được cấp miễn phí.

Nếu cổ phiếu bị rách, bị mờ... cổ đông có nghĩa vụ thông báo cho Tổng công ty và chỉ được thay cổ phiếu khi trình bày đủ chứng cứ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. Trường hợp bị mất cắp, đánh mất hoặc bị tiêu hủy, việc cấp lại thực hiện theo qui định của Luật Doanh nghiệp.

Trong các trường hợp trên, sau khi được cấp cổ phiếu mới, cổ phiếu cũ đương nhiên không còn giá trị. Người sở hữu cổ phần phải trả chi phí in chứng chỉ cổ phiếu và các khoản phí cần thiết do Hội đồng quản trị quy định.

5. Người sở hữu cổ phiếu không ghi tên phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Tổng công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

6. Trong thời hạn năm (5) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

7. Trong trường hợp phát hành cổ phiếu tiếp theo, giá bán cổ phiếu không phụ thuộc vào mệnh giá ghi trên cổ phiếu của Tổng công ty.

8. Tổng công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 13. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc.
4. Ban kiểm soát

Mục 1

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quy định về cổ đông

1. Cổ đông là tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần của Tổng công ty; Cổ đông được công nhận chính thức sau khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Tổng công ty.

2. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

Điều 16. Quyền của cổ đông

1. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

2. Nhận cổ tức theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; Trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điều 9 của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

4. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.

5. Kiểm tra các thông tin liên quan đến các cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6. Khi Tổng công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần có trong Tổng công ty, sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ của Tổng công ty.

7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên.
- b) Đề cử các thành viên Ban kiểm soát theo quy định:
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên;
- c) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này;
- d) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ số tiền mua cổ phần đã cam kết mua và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần.
2. Chịu trách nhiệm về số lỗ, nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.
3. Tuân thủ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Tổng công ty.
4. Chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Tổng công ty, tham gia các công việc chung của Tổng công ty khi được phân công.
6. Không được rút vốn dưới bất cứ hình thức nào, trừ trường hợp đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc Tổng công ty giải thể.
7. Phát hiện những vi phạm pháp luật, chính sách chế độ Nhà nước của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về sự phát hiện của mình.
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông

1. Tổng công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, trụ sở chính của Tổng công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần;
- c) Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc nơi khác, nhưng phải được thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cho tất cả các cổ đông biết.

Điều 19. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tổng công ty, được tổ chức họp thường niên hoặc bất thường để quyết định những vấn đề quan trọng của Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập, họp mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính để quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
- c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn 3/5 người.
- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 7 Điều 16 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- đ) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh

nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn bốn mươi lăm ngày làm việc kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3.c hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại Khoản 3.d và 3.đ Điều này.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định trên, thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp, thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2.d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a) Báo cáo tài chính hàng năm;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Ban Kiểm soát;

d) Định hướng phát triển chung, dài hạn, kế hoạch hàng năm của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

đ) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

e) Lựa chọn công ty kiểm toán;

g) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

n) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

i) Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị và ngược lại;

k) Tổng số tiền thù lao và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;

m) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty; chỉ định người thanh lý;

p) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần,

q) Tổng công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

r) Các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế của Tổng công ty có giá trị từ 30% vốn điều lệ tại thời điểm trở lên. (Riêng các dự án đầu tư ngoài lĩnh vực kinh doanh chính có giá trị từ lớn hơn 5% vốn điều lệ).

s) Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người có liên quan được quy định tại Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% vốn Điều lệ của Tổng công ty;

t) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng công ty.

2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Các hợp đồng quy định tại khoản s nêu trên khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 nêu trên, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 19 - Điều lệ này.

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiên hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng công ty;

b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.

Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của

Tổng công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Tổng công ty đóng trụ sở chính.

Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Tổng công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.

Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Tổng công ty, thông báo có thể được trưng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Đồng thời, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Tổng công ty cùng với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 7-Điều 16 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 2 nêu trên trong các trường hợp sau:

a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ thông tin cần thiết, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng.

c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua trong trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 23. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự. Đại hội được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định.

Điều 24. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định.

Đại hội sẽ chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu để bầu ban kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu. Nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

4. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn vẫn có quyền đăng ký dự họp, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

5. Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản Đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội, ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết, nếu nhận thấy rằng:

a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội,

b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp.

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc. Hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

Điều 25. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chấp thuận.

Trừ các nội dung sau đây phải đạt từ 75% trở lên:

- Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Tổng công ty
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán
- Đầu tư, giao dịch bán tài sản Tổng công ty hoặc giao dịch mua do Tổng công ty thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất
- Biểu quyết bằng thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- Các quyết định đã được thông qua;

Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ

tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Biên bản Đại hội phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Thời gian và địa điểm họp;
- b) Chương trình làm việc;
- c) Chủ tọa và Thư ký;
- d) Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội;
- đ) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội; số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng; các vấn đề đã được thông qua;
- e) Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;
- h) Các quyết định đã được thông qua;
- i) Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp, Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Mục 2 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Tổ chức Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm theo quy định trong Điều lệ này.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng

quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế và tuân theo nguyên tắc kế thừa, với số thành viên mới không quá 3/5.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không trực tiếp tham gia điều hành phải chiếm ít nhất là 2/5.

4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 7 Điều 16 - Điều lệ này.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Tổng công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử

6. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

a) Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của ba (03) doanh nghiệp khác hoặc là đại diện pháp nhân, trực tiếp điều hành tại doanh nghiệp khác, trừ trường hợp được Tổng công ty cử làm đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp đó.

c) Thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú tại Việt Nam.

d) Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Các thành viên có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công (hoặc được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền và không được ủy quyền cho người khác);

b) Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ.

Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình.

c) Được chỉ định thành viên khác trong Hội đồng quản trị thay thế mình tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong những trường hợp cần thiết. Việc chỉ định người thay thế phải được lập bằng văn bản có chữ ký của

người chỉ định và được gửi tới trụ sở chính của Tổng công ty trước khi cuộc họp Hội đồng quản trị khai mạc;

d) Thực hiện Điều lệ của Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Được quyền yêu cầu các cán bộ trong Tổng công ty cung cấp tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

đ) Tuyệt đối trung thành với mục tiêu kinh doanh của Tổng công ty đã ghi trong Điều lệ này. Giữ bí mật các số liệu, định mức, kỹ thuật công nghệ và các vấn đề tài chính của Tổng công ty;

Không được lợi dụng chức vụ để hưởng lợi ích cá nhân hoặc có hành động làm thiệt hại lợi ích Tổng công ty, không được chiếm dụng các cơ hội kinh doanh thuộc về Tổng công ty;

e) Không được hành động vượt quá quyền hạn của Tổng công ty hay Hội đồng quản trị như Điều lệ quy định. Quyết định hay hành động vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Tổng công ty thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật;

g) Thành viên Hội đồng quản trị là người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo yêu cầu và chỉ đạo của đại diện chủ sở hữu phù hợp với Nghị định của Chính Phủ ban hành Quy chế quản lý phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.

h) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp

i) Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm đến 3/5 so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 30. Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;

c) Thành viên đó bị chết, hoặc bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e) Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân

g) Tổng công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của Toà án

2. Thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị :

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải gửi đơn xin từ chức lên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải nhóm họp trong vòng 30 ngày để xem xét quyết định và bầu Chủ tịch mới trong trường hợp đơn xin từ chức của Chủ tịch đương nhiệm được chấp thuận.

b) Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

c) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì trong vòng 10 ngày Hội đồng quản trị phải họp bất thường để bầu người thay thế.

d) Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trường hợp khuyết từ 2 trở lên số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung.

Điều 31. Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các

thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Mọi chi phí hoạt động cần thiết, hợp lý của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Tổng công ty.

Điều 32. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành hoạt động của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức triển khai chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Tổng công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Quyết định cơ cấu bộ máy quản lý và điều hành của Tổng công ty, các quy chế quản lý nội bộ Tổng công ty;

c) Quyết định thành lập, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thành viên 100% vốn của Tổng công ty, đơn vị trực thuộc Tổng công ty; kết nạp các thành viên mới; tiếp nhận các Công ty liên kết tự nguyện tham gia vào Tổng công ty;

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc Tổng công ty ;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc;

e) Quyết định cử, thay thế người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc;

g) Quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty;

h) Quyết định chào bán cổ phần của Tổng công ty trong phạm vi cổ phần phổ thông được quyền chào bán, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

i) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

k) Quyết định các dự án đầu tư (trừ những dự án thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông); Thông qua phương án góp vốn mua cổ phần của danh nghiệp khác;

l) Thông qua các hợp đồng mua bán thép, phôi thép, thép phế liệu, quặng thép và vật tư, nguyên liệu khác phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty có giá trị từ 10% đến dưới 30% vốn điều lệ; quyết định các dự án đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh chính, các hợp đồng tín dụng, bảo lãnh thế chấp của Tổng công ty có giá trị từ 10% đến dưới 30% vốn điều lệ; (Riêng các dự án đầu tư ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty có giá trị đến dưới 5%).

Mức phân cấp cụ thể trong từng lĩnh vực được quy định và điều chỉnh bằng Quy chế.

m) Quyết định việc phát hành trái phiếu của Tổng công ty (loại trái phiếu, tổng giá trị phát hành, thời điểm phát hành);

n) Thông qua việc định giá tài sản vốn góp không phải là tiền Việt Nam (ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, bạc, giá trị quyền sử dụng đất, công nghệ và tài sản khác);

o) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

p) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

q) Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

r) Thực hiện việc khởi kiện của Tổng công ty đối với các cán bộ quản lý Tổng công ty cũng như quyết định việc đại diện Tổng công ty trong quá trình tố tụng đối với các cán bộ quản lý này;

s) Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Tổng công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

t) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;

u) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Tổng công ty.

4. Hội đồng quản trị không được trực tiếp hay gián tiếp:

a) Cho bất kỳ cổ đông nào vay tiền của Tổng công ty.

b) Bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản cầm cố, thế chấp cho cổ đông để vay tiền

c) Bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản cầm cố, thế chấp cho cá nhân, tổ chức khác để vay tiền

d) Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Tổng công ty cũng như khách hàng cho bất kỳ ai.

Điều 33. Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và các quyết định khác thuộc thẩm quyền, phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý một lần. Trường hợp đặc biệt, khoảng cách giữa 2 kỳ họp không được quá 05 tháng để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ tiến hành họp lệ khi có ít nhất 4/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc qua người đại diện thay thế) tham dự.

3. Các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

4. Các cuộc họp bất thường.

Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a) Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;

b) Hai thành viên Hội đồng quản trị;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d) Đa số thành viên Ban kiểm soát.

5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì

Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.

7. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

8. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

9. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 4/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc người đại diện thay thế) có mặt trực tiếp.

10. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại khoản b. dưới đây, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại khoản d. dưới đây, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d) Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

12. Giá trị pháp lý của hành động:

Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

13. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

14. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.

15. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công. Thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, người được uỷ quyền không được uỷ quyền cho người thứ ba.

Điều 34. Phương thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

2. Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết bằng cách lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu liên quan đến các vấn đề cần lấy ý kiến có qui định thời hạn phải trả lời gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn quy định, ghi rõ ý kiến của mình đồng ý hay không đồng ý. Chủ tịch Hội đồng quản trị tập hợp các ý kiến và ra nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

3. Quyết định được thông qua trên điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác:

Trường hợp thông qua quyết định trên điện thoại hoặc trên các phương tiện thông tin khác thì quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị đều phải được ghi lại bằng những bằng chứng xác thực và phải được khẳng định (sau đó) bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp.

4. Ban hành quyết định của Hội đồng quản trị:

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản hoặc những bằng chứng xác thực khác, Hội đồng quản trị phải ban hành Nghị quyết, Quyết định bằng văn bản về những vấn đề đã được thông qua.

Điều 35. Hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và tuyên bố hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục thông qua quyết định không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này;
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này;

Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên bằng thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành Tổng công ty. Nếu kiêm nhiệm, phải được sự phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

b) Lập kế hoạch làm việc cho Hội đồng quản trị, xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ phiên họp Hội đồng quản trị;

d) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;

đ) Theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện các Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua;

e) Lập chương trình công tác và phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Tổng công ty;

g) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về các công việc mà Hội đồng quản trị đã thực hiện;

h) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua;

i) Ngoài ra, Chủ tịch hội đồng quản trị còn có chung quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Luật Doanh nghiệp;

k) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị của Tổng công ty. Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu chủ tịch Hội đồng quản trị thay thế theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt quá thời hạn 30 ngày không rõ lý do hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, hoặc trong trường hợp không có thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người này sẽ thay mặt chủ tịch thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi Chủ tịch Hội đồng quản trị trở lại hoặc đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

6. Khi Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do gì, Hội đồng quản trị phải bầu người khác thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Mục 3

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 37. Quy định chung về Tổng giám đốc Tổng công ty

1. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi đã bầu xong Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, là đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng nghị quyết được thông qua hợp thức.

2. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được thể hiện trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

4. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm và từ chức của Tổng giám đốc được thực hiện theo pháp luật và quy định của Điều lệ này và việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Điều 38. Tiêu chuẩn Tổng giám đốc

Tổng giám đốc phải là người có đầy đủ các điều kiện sau:

1. Tổng giám đốc phải là người có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành quản lý kinh tế hay kỹ thuật phù hợp; Có kinh nghiệm và kiến thức trong lĩnh vực ngành, nghề chính đã đăng ký kinh doanh của Tổng công ty; có năng lực tổ chức sản xuất - kinh doanh và kinh nghiệm quản lý Tổng công ty, hiểu biết pháp luật.

2. Không được đồng thời giữ bất cứ một chức vụ kiểm soát, điều hành nào tại Công ty khác, trừ trường hợp là người đại diện của Tổng công ty do Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ định tham gia vào Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp khác có vốn góp của Tổng công ty.

3. Có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ

4. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;

2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;

4. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ Tổng công ty;

5. Tổ chức tốt công tác thống kê, kế toán tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm chính xác trung thực và công khai trong Tổng công ty;

6. Chịu sự quản lý trực tiếp của Hội đồng quản trị;

7. Đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, hỏa hoạn hay sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo cho Hội đồng quản trị và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết tiếp.

8. Thẩm quyền về ký các hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay, cho vay; về nhượng bán, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý tài sản như sau :

a) Trực tiếp ký các hợp đồng mua bán thép, phôi thép, thép phế liệu, quặng thép và vật tư, nguyên liệu khác phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Tổng công ty có giá trị nhỏ hơn 10% vốn điều lệ tại thời điểm.

Mức độ phân cấp cụ thể trong từng lĩnh vực, kể cả các hợp đồng giao dịch mua bán, thanh lý tài sản của Tổng công ty có giá trị nhỏ được quy định và điều chỉnh bằng Quy chế.

b) Trực tiếp ký các hợp đồng kinh tế và các hợp đồng khác có giá trị thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị thông qua theo qui định tại Điều lệ này.

9. Thẩm quyền về công tác tổ chức, cán bộ :

a) Quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các phòng, ban Tổng công ty sau khi được Hội đồng quản trị thông qua; quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các phòng, ban đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

b) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc, Kế toán trưởng đơn vị thành viên và Hiệu trưởng, Viện trưởng, Kế toán trưởng Đơn vị sự nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị thông qua;

c) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bổ nhiệm lại, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó giám đốc, Trưởng phòng các đơn vị thành viên, đơn vị sự nghiệp; Giám đốc, Phó giám đốc, Trưởng đơn vị trực thuộc; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Tổng công ty và Trưởng các Chi nhánh của Tổng công ty.

d) Quyết định lương, phụ cấp, phân phối tiền lương, tiền thưởng và các vấn đề liên quan đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.

10. Trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm, báo cáo về tình hình chung của Tổng công ty.

11. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị xem xét, thông qua trước khi trình Đại hội đồng cổ đông quyết định chiến lược đầu tư phát triển và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của Tổng công ty.

12. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý Tổng công ty.

13. Chuẩn bị các nguồn tài chính dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Tổng công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

14. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, quy chế quản lý nội bộ và các quyết định của Hội đồng quản trị.

15. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 40. Ủy quyền của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc ủy quyền bằng văn bản cho Phó Tổng giám đốc thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc của Tổng công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình; Trường hợp Phó Tổng giám đốc vắng mặt thì Tổng giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Tổng giám đốc khác hoặc một Trưởng phòng ban Tổng công ty hoặc Giám đốc đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc có liên quan thực hiện.

2. Tổng giám đốc ủy quyền bằng văn bản cho Giám đốc các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc thay mặt mình quản lý điều hành, giải quyết hoặc thi hành các công việc ở các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc theo quy chế phân cấp quản lý của Tổng công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình; Trường hợp Giám đốc đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc vắng mặt thì Tổng giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Giám đốc đơn vị.

3. Người được Tổng giám đốc ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền và không được ủy quyền cho người khác. Người được ủy quyền phải trực tiếp chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những việc được ủy quyền.

4. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu của Tổng công ty đều phải thực hiện bằng văn bản, có thời hạn nhất định.

Điều 41. Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Tổng công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ thì Tổng giám đốc chỉ được ký kết theo quy định sau:

a) Đối với các hợp đồng có giá trị từ 30% vốn điều lệ của Tổng công ty trở lên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

b) Đối với các hợp đồng giá trị nhỏ hơn 30% vốn điều lệ của Tổng công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; Niêm yết tại trụ sở chính của Tổng công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; . Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp, hợp đồng đã quy định tại khoản 1 nêu trên được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Tổng công ty phải bồi thường.

Điều 42. Từ nhiệm, đương nhiệm mất tư cách

1. Khi Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định.

2. Tổng giám đốc đương nhiệm mất tư cách Tổng giám đốc khi xảy ra các trường hợp sau đây:

a) Chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

b) Tự ý bỏ nhiệm sở trong vòng 5 ngày làm việc liên tục mà không có lý do chính đáng và không uỷ quyền bằng văn bản cho một phó Tổng giám đốc thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình.

c) Mất quyền công dân.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Tổng giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải chỉ định một phó Tổng giám đốc tạm thời thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

Điều 43. Bộ máy giúp việc Tổng giám đốc

Giúp việc cho Tổng giám đốc gồm có các Phó Tổng giám đốc, các Trưởng phòng, Ban Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc có các nghĩa vụ và quyền hạn sau :

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, tận tâm vì lợi ích của Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;

2. Không được lạm dụng địa vị, quyền hạn, sử dụng tài sản của Tổng công ty để thu lợi riêng cho bản thân hoặc cho người khác, không được tiết lộ bí mật Tổng công ty;

3. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối Tổng công ty do những hành vi vi phạm của mình.

Điều 44. Cơ cấu tổ chức bộ máy giúp việc Tổng công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị, Tổng công ty có cơ cấu tổ chức và bộ máy điều hành, số lượng và các loại cán bộ quản lý cần thiết để thực hiện các hoạt động trong từng thời kỳ.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành Tổng công ty bao gồm :

a) Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

b) Các Phòng, Ban Tổng công ty ;

Điều 45. Thư ký của Tổng công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Tổng công ty, nhưng không trái với các qui định pháp luật hiện hành về lao động.

2. Nhiệm vụ của Thư ký Tổng công ty bao gồm:

Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

Làm biên bản các cuộc họp;

Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Mục 5 BAN KIỂM SOÁT

Điều 46. Bầu Ban kiểm soát và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội.

Ban kiểm soát bao gồm năm (05) thành viên, trong đó có 04 thành viên chuyên trách.

2. Ban kiểm soát có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ, nếu Ban Kiểm soát mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ cho đến khi có Ban kiểm soát mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Trong nhiệm kỳ nếu khuyết thành viên Ban kiểm soát thì kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung.

3. Ban kiểm soát bầu một trong các thành viên làm Trưởng ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát và hai thành viên Ban kiểm soát là thành viên chuyên trách.

4. Thành viên Ban kiểm soát phải có đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có năng lực và hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý Tổng công ty; Không được giữ các chức vụ quản lý của Tổng công ty.

b) Có kinh nghiệm công tác từ 3 năm trở lên, am hiểu về kỹ thuật, nghiệp vụ của Tổng công ty. Các thành viên chuyên trách phải có trình độ Đại học trở lên, trong đó có ít nhất một thành viên có trình độ chuyên ngành về tài chính kế toán.

c) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật.

Điều 47. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi mặt hoạt động của Tổng công ty.

2. Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Trưởng Ban kiểm soát được mời tham dự họp Hội đồng quản trị, được phát biểu, tranh luận nhưng không tham gia biểu quyết.

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c) Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Tổng công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 7 Điều 16 Điều lệ này.

đ) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 7 Điều 16 Điều lệ này. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

e) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng công ty quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

h) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

i) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

3. Ban kiểm soát không được tiết lộ thông tin, bí mật của Tổng công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Tổng công ty khi thực hiện nhiệm vụ.

4. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

c). Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại các trụ sở, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Tổng công ty làm việc.

d) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 48. Chế độ họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất.

2. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Ít nhất 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Trưởng Ban kiểm soát hoặc ít nhất 3/5 số thành viên Ban kiểm soát;
- d) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác.

3. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại Khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát thì Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát tiến hành cuộc họp quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh Trưởng ban và bầu một thành viên khác của Ban kiểm soát làm Trưởng ban.

4. Thông báo chương trình họp Ban kiểm soát

Thông báo họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát.

5. Cuộc họp Ban kiểm soát có đủ điều kiện tiến hành khi có từ 3/5 số thành viên trở lên tham dự. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát vắng mặt, không tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 tháng mà không có lý do chính đáng thì thành viên đó sẽ bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát.

6. Biểu quyết:

a) Mỗi thành viên tham dự họp Ban kiểm soát có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu thành viên Ban kiểm soát không tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác thực hiện quyền biểu quyết thay;

b) Thành viên Ban kiểm soát có các quyền lợi liên quan đến vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định, không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;

c) Nếu có nghi ngờ nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết,

thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tới Chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ;

7. Ban kiểm soát có quyền thông qua các quyết định bằng việc tiến hành cuộc họp, bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm soát, hoặc bằng hỏi ý kiến qua thư tín, qua fax.

8. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát bằng hỏi ý kiến :

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết vấn đề đưa ra xin ý kiến ;

b) Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát, Biên bản họp của Ban kiểm soát phải ghi đầy đủ vào sổ biên bản và được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký của mỗi thành viên Ban kiểm soát.

Điều 49. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau :

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động và phân công các thành viên của Ban kiểm soát;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để báo các trước Đại hội đồng cổ đông;

d) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Được mời tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Trưởng ban kiểm soát vắng mặt thì ủy quyền cho thành viên khác, nếu mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì Ban kiểm soát có thể chỉ định một thành viên Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ của Trưởng ban.

Điều 50. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty.

3. Thành viên Ban kiểm soát có thể được mời tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty; Tuyệt đối giữ bí mật các số liệu, định mức, kỹ thuật công nghệ và các vấn đề về tài chính của Tổng công ty. Không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

5. Thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát được hưởng lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, tiền thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức tiền lương, thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

6. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

7. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều này đều thuộc sở hữu của Tổng công ty.

8. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả

Mục 6

NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 51. Nghĩa vụ cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty có nghĩa vụ thực hiện các

quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán, vì lợi ích của Tổng công ty và cổ đông của Tổng công ty.

Điều 52. Nghĩa vụ trung thành và tránh các xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản và những cơ hội kinh doanh của Tổng công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác và không được sử dụng những thông tin có được bởi chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ mâu thuẫn lợi ích tiềm tàng nào mà họ có thể có ở các pháp nhân, các giao dịch hay các cá nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận;

3. Khi Tổng công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:

a) Phải thông báo tình hình tài chính của Tổng công ty cho tất cả các chủ nợ biết;

b) Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Tổng công ty, kể cả cho người quản lý;

c) Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ và cam kết theo quy định;

d) Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Tổng công ty.

4. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 53. Những vấn đề liên quan về nhân sự của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên của Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, thủ quỹ của Tổng công ty.

2. Các quy định khác theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác

Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác :

1. Mất năng lực hành vi dân sự, chết, mất tích .

2. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.

3. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.

4. Khi bị Tòa án trục xuất ra khỏi lãnh thổ nước Việt Nam.
5. Các quy định khác theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty hoặc cán bộ quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty hoặc cán bộ quản lý khác bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

- a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
- b) Có đơn xin từ chức với lý do hợp lý;
- c) Thuộc một trong các đối tượng quy định tại Điều 53 nêu trên
- d) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;
- đ) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- e) Vắng mặt không tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát liên tục trong vòng 6 tháng mà không được phép của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Mọi trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đều phải có trên 50% thành viên đồng ý miễn nhiệm, bãi nhiệm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Đối với việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc phải có trên 50% thành viên Hội đồng quản trị đồng ý miễn nhiệm và bãi nhiệm và do Hội đồng quản trị ra quyết định. Hội đồng quản trị phải tìm ngay người thay thế và tiến hành bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới trong vòng tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Chương IV TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THANH NIÊN, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 56. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh được tổ chức hoạt động trong Tổng công ty theo các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

Điều 57. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Tổng công ty

với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

2. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty tạo mọi điều kiện để người lao động trong Tổng công ty được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động. Tạo điều kiện để các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội của Tổng công ty hoạt động theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động. Thiết lập mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định, góp phần ngăn ngừa và hạn chế tranh chấp lao động trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty, người quản lý và người lao động trong Tổng công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể, chấp hành các nội quy, quy chế của Tổng công ty và các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người quản lý và người lao động.

4. Người lao động được quyền tham gia giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến quyền lợi hợp pháp, chính đáng và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và quy chế dân chủ của Tổng công ty.

Người lao động có quyền gia nhập các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Công đoàn được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 2 Điều lệ này, là tổ chức đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và tập thể người lao động, có trách nhiệm tổ chức để người lao động thực hiện quyền được biết, được tham gia, được kiểm tra, giám sát và được quyết định những vấn đề trực tiếp liên quan đến người lao động.

6. Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty hoặc người do Ban Chấp hành Công đoàn Tổng công ty ủy quyền được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông và được tham gia ý kiến về vấn đề liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể người lao động trong Tổng công ty.

7. Hàng năm Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty, người quản lý có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động trong Tổng công ty. Nội dung chủ yếu của Hội nghị người lao động là bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua; Đánh giá việc thực hiện thoả ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Tổng công ty, những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

Chương V

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 58. Các đơn vị trực thuộc và Công ty con, Công ty liên kết của Tổng công ty

Tổng công ty có các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc, các công ty con, các công ty liên kết tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được ghi tại phụ lục số 2 kèm theo Điều lệ này.

Điều 59. Quan hệ giữa Tổng công ty với đơn vị trực thuộc

1. Đơn vị trực thuộc Tổng công ty có quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp của Tổng công ty, chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Tổng công ty. Đơn vị trực thuộc Tổng công ty có con dấu theo mẫu dấu của nhà nước; Được ủy quyền ký kết các hợp đồng kinh tế, được chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính theo sự phân cấp của Tổng công ty.

Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị trực thuộc.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của đơn vị trực thuộc được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các Công ty con

1. Tổng công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên góp vốn chi phối tại công ty con theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty đó;

2. Tổng công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở Công ty con thông qua người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con (sau đây gọi là người đại diện);

3. Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

a) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, thông qua phụ cấp và lợi ích của người đại diện;

b) Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con;

c) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tổng công ty;

d) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở các công ty con;

đ) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con;

e) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các công ty con.

Điều 61. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các công ty liên kết

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2. Tổng công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo Quy chế của Tổng công ty và Điều lệ của Công ty

Điều 62. Việc đặt tên, sử dụng tên, thương hiệu của Tổng công ty (VNSTEEL)

Tên gọi của các công ty con cần phải phù hợp với tên gọi của Tổng công ty, mang đặc trưng ngành nghề và văn hoá của Tổng công ty.

Tên giao dịch phải thể hiện được thương hiệu của Tổng công ty theo quy định thống nhất do Hội đồng quản trị ban hành. Quy định này cũng thể hiện tại các văn bản giấy tờ giao dịch, bì thư, bảng hiệu, trang trí tại các hội nghị.

Riêng các Công ty liên kết tự nguyện cũng tuân theo quy định trên.

Điều 63. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn góp của Công ty ở Công ty con, Công ty liên kết

1. Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; Là người của Tổng công ty;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ để đảm đương nhiệm vụ;

c) Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty; Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty tại các công ty nước ngoài phải có trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch;

đ) Không là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột của những người là đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp;

e) Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp, trừ trường hợp có cổ phần tại doanh nghiệp được cổ phần hoá.

2. Người đại diện tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có

vốn đầu tư của Tổng công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp đó.

Điều 64. Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi của người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty ở Công ty con, Công ty liên kết

1. Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đại diện cho Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại công ty con, công ty liên kết. Có trách nhiệm sử dụng quyền của cổ đông, thành viên có vốn góp chi phối để định hướng công ty con thực hiện chiến lược, mục tiêu của Tổng công ty;

b) Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của công ty con, công ty liên kết theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp đó và theo hướng dẫn của Tổng công ty;

c) Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của công ty con, công ty liên kết;

d) Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về hiệu quả sử dụng phần vốn góp;

đ) Xin ý kiến Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc theo phân cấp trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của công ty con về: phương hướng, chiến lược đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; chia lợi tức; bán tài sản có giá trị lớn;

e) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Tổng công ty về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của Tổng công ty ở công ty được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp. Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Tổng công ty và đại diện chủ sở hữu thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Tổng công ty.

2. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng công ty hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm... theo quyết định của Hội đồng quản trị công ty đó và theo quy chế quản lý phần vốn góp của Tổng công ty

Chương VI
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 65. Công khai thông tin

1. Tổng công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan.

2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông.

3. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh và phải trả phí.

Điều 66. Trình báo cáo hàng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính.

2. Sau khi báo cáo tài chính Tổng công ty đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước khi khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông:

- Báo cáo về tình hình kinh doanh của Tổng công ty
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán theo quy định

- Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Tổng công ty

3. Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty hàng năm phải được hoàn tất chậm nhất trước 7 ngày làm việc:

- Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị
- Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát
- Báo cáo kiểm toán

Điều 67. Hệ thống chế độ kế toán

1. Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01(dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó

2. Tổng công ty sử dụng Hệ thống chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

3. Căn cứ vào Hệ thống tài khoản kế toán, Hệ thống báo cáo tài chính, Hệ thống sổ kế toán chế độ chứng từ kế toán, sổ kế toán để lựa chọn, áp dụng và thực hiện theo đúng quy định của Bộ Tài chính và phải phù hợp với yêu cầu quản lý Tổng công ty.

Điều 68. Kiểm toán

1. Theo đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt

động kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tiếp theo phù hợp với quy định tại Điều lệ.

2. Đại diện Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán

Điều 69. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Lợi nhuận thực hiện của Tổng công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định được trích lập như sau:

1. Quỹ dự phòng tài chính ;
2. Quỹ đầu tư phát triển
3. Quỹ phúc lợi khen thưởng;
4. Trả cổ tức.

Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ trích lập các quỹ và trả cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 70. Cổ tức

1. Cổ tức được chi trả từ lợi nhuận hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. Tổng công ty chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

2. Cổ tức hay các khoản tiền khác có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Tổng công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam hoặc thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông..

3. Cổ tức hay các khoản tiền khác được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Tổng công ty đã có đủ thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông để thực hiện việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do chính cổ đông cung cấp.

4. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác nhận mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức gửi bằng thư bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ:

- Tên Tổng công ty.

- Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân.

- Tên địa chỉ, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.

- Số lượng cổ phần hiện hữu của cổ đông, tỷ lệ cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức. họ tên chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc .

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Tổng công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của Tổng công ty.

7. Tổng công ty không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức. Trường hợp việc chi trả cổ tức không đúng quy định thì người ra quyết định và các đối tượng có liên quan phải chịu trách nhiệm bồi thường về các khoản thiệt hại đã gây ra.

Điều 71. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

Trong trường hợp Tổng công ty kinh doanh bị thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo hai phương án sau:

1. Trích quỹ dự trữ để bù lỗ.

2. Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông quyết định khắc phục.

Chương VII

CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU VÀ CON DẤU CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 72. Chế độ lưu giữ tài liệu

1. Tổng công ty phải lưu giữ các tài liệu sau :

a) Điều lệ Tổng công ty; Quy chế quản lý nội bộ; Sổ đăng ký cổ đông;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh; các giấy tờ khác được các cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Tổng công ty;

d) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quyết định đã được thông qua;

đ) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

e) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;

g) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này ở trụ sở chính. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 73. Con dấu của Tổng công ty

1. Tổng công ty có con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VIII

**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ
THANH LÝ TÀI SẢN TỔNG CÔNG TY**

Điều 74. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền lợi của các cổ đông phát sinh từ điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do pháp luật quy định, giữa:

- Một cổ đông hay nhiều cổ đông với Tổng công ty ;
- Một cổ đông hay nhiều cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý Tổng công ty .

2. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải.

3. Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, không được các bên chấp nhận thì một trong các bên có thể đưa ra cơ quan có thẩm quyền các cấp để giải quyết.

4. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp đưa ra các cơ quan có thẩm quyền thì các chi phí xét xử và chi phí có liên quan phải nộp theo quyết định của các cơ quan này.

Điều 75. Tổ chức lại, giải thể, phá sản Tổng công ty

1. Căn cứ vào yêu cầu và thực tế hoạt động Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông quyết định có thể thực hiện việc tổ chức lại theo các hình thức chia tách, sáp nhập, chuyển đổi Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty có thể bị giải thể chấm dứt hoạt động trong các những trường hợp sau:

- a) Toà án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trong các trường hợp này, Hội đồng quản trị có trách nhiệm làm các thủ tục giải thể theo quy định của Pháp luật.

1. Khi xuất hiện dấu hiệu lâm vào tình trạng phá sản, Tổng công ty đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết mà vẫn gặp khó khăn không khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn thì Tổng công ty đã lâm vào tình trạng phá sản và phải được xử lý theo quy định của Luật phá sản. doanh nghiệp.

Điều 76. Thanh lý tài sản của Tổng công ty

1. Sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm tối thiểu ba (03) thành viên trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và thành viên còn lại do Hội đồng quản trị chỉ định. Ban thanh lý ban hành các quy chế hoạt động và tổ chức thực hiện. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý tài sản của Tổng công ty trước các cơ có thẩm quyền.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- đ) Các khoản nợ khác của Tổng công ty,
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ trên sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần sở hữu.

Chương IX CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 77. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới, khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

Tổng công ty sẽ ban hành các quy chế của Tổng công ty để cụ thể hoá và thực hiện Điều lệ này.

Điều 78. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 9 chương 78 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng công ty nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2011 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, Trong đó:

a) 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b) 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của UBND tỉnh, thành phố;

c) 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 3/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP**